

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

VẤN ĐỀ TÔN GIÁO MỚI TRONG XÃ HỘI NHẬT BẢN HIỆN ĐẠI

PHẠM HỒNG THÁI^(*)

Ngay những năm sau kết thúc Chiến tranh Thế giới II, ở Nhật Bản đã xuất hiện một số lượng lớn các tổ chức tôn giáo độc lập mà ngày nay chúng ta gọi là những tôn giáo mới. Mô tả tình trạng tôn giáo mới ở Nhật Bản sau Chiến tranh, các nhà nghiên cứu đã ví chúng phát triển nhanh và nhiều như “năm sau mưa”. Cho đến tận ngày nay, tôn giáo mới ở Nhật Bản vẫn là một hiện tượng khá độc đáo và gây không ít chú ý cho các nhà nghiên cứu quốc tế. Tại sao tôn giáo mới ở Nhật Bản lại xuất hiện đột biến như vậy, chúng có những đặc điểm gì và tác động xã hội của chúng ta sao? Đó là những vấn đề mà bài viết này xin được góp phần làm sáng rõ.

Trước năm 1945, ở Nhật Bản chỉ có 43 tổ chức tôn giáo được Nhà nước chính thức thừa nhận, trong đó có 13 tổ chức Thần đạo, 20 tổ chức Phật giáo, 2 tổ chức Kitô giáo (1 tổ chức Công giáo và 1 tổ chức Tin Lành). Sau khi *Sắc lệnh pháp nhân tôn giáo* (宗教法人令) được ban hành (năm 1951), các nhóm độc lập mới tách ra từ các tổ chức tôn giáo cũ và các tổ chức tôn giáo mới đăng kí hoạt động

tăng nhanh đến mức vào cuối năm 1949 số các giáo phái lên đến 430. Số các đền, chùa, nhà thờ tách ra khỏi tổ chức mẹ để trở thành các tổ chức tôn giáo độc lập lên đến 1.546 tổ chức. Suốt hơn nửa thế kỉ qua, cùng với những bước thăng trầm của đời sống kinh tế - xã hội ở Nhật Bản, các tôn giáo mới đã có những bước phát triển rất khác nhau, nhưng chiều hướng chung đáng chú ý là số lượng các đoàn thể tôn giáo vẫn tiếp tục tăng. Theo thống kê của *Niên giám tôn giáo* Nhật Bản xuất bản năm 2004, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2001, tổng số các tổ chức tôn giáo trên toàn lãnh thổ Nhật Bản lên tới 225.885 đơn vị, bao gồm cả các tổ chức đã có tư cách pháp nhân và chưa có tư cách pháp nhân. Trong số đó, 89.082 tổ chức thuộc Thần đạo, 86.647 tổ chức thuộc Phật giáo, 9.330 tổ chức thuộc Kitô giáo và 40.826 tổ chức tôn giáo khác. Nếu chỉ tính riêng các đoàn thể tôn giáo đã được công nhận tư cách pháp nhân thì con số đó là 182.277 tổ chức, trong đó 85.099 tổ chức thuộc Thần đạo, 77.492 tổ chức thuộc Phật giáo, 4.337 tổ chức thuộc

*. TS., Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.

Kitô giáo và 15.349 tổ chức tôn giáo khác⁽¹⁾.

Vậy những nguyên nhân nào đã dẫn đến hiện tượng các tôn giáo mới ở Nhật Bản xuất hiện nhiều như vậy trong giai đoạn từ năm 1945 đến nay?

Trước hết, điều người ta dễ thấy nhất trong số các nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ về số lượng các tổ chức tôn giáo sau Chiến tranh là sự thay đổi chính sách tôn giáo. Trước Chiến tranh Thế giới II, mặc dù tự do tôn giáo đã được hiến pháp công nhận, song trên thực tế, sự can thiệp của Nhà nước Nhật Bản đối với tôn giáo vẫn còn là một trở ngại rất đáng kể. Theo Điều 28 của Hiến pháp Minh Trị, tuy tự do tôn giáo được tuyên bố nhưng lại bị rào đón: *“Các thần dân Nhật Bản, trong phạm vi không làm tổn hại đến hoà bình và trật tự, và không chống lại bổn phận của họ với tư cách là những thần dân, sẽ được hưởng tự do tín ngưỡng tôn giáo”*. Năm 1939, *Luật Đoàn thể tôn giáo* (宗教団本法) được ban hành. Luật này không chỉ nhằm mở rộng quyền kiểm tra các tổ chức tôn giáo mà còn nhằm quản lí chúng một cách chặt chẽ hơn dưới hình thức được giải thích là vì hoà bình, ổn định. Thêm vào đó, do Nhật Bản tiến hành chiến tranh nên điều kiện để tôn giáo mới nảy sinh có hạn chế. Mặc dù vậy, trong xã hội Nhật Bản lúc bấy giờ đã tồn tại rất nhiều nhóm tín ngưỡng như là tiền đề cho việc hình thành những tổ chức tôn giáo mới sau Chiến tranh. Đặc biệt đáng chú ý là có nhiều nhóm rất giống với những nhóm tín ngưỡng đang hình thành một cách tự phát ở các làng quê Việt Nam hiện nay. Cũng cần nói thêm rằng, trong số các tổ

chức tôn giáo xuất hiện sau Chiến tranh ở Nhật Bản có nhiều tổ chức đã tồn tại và hoạt động từ trước đó nhưng không được thừa nhận chính thức.

Nguyên nhân đáng chú ý tiếp theo là sự phát triển nhanh chóng của quá trình đô thị hoá. Bắt đầu từ những năm 1950, Nhật Bản đã bước vào quá trình đô thị hoá với tốc độ ngày một gia tăng gần giống như hiện tượng đô thị hóa đang diễn ra tại Việt Nam hiện nay. Mặc dù trong suốt quá trình hiện đại hoá, dân số Nhật Bản không ngừng tăng, song đến đầu những năm 1960, tỉ lệ giữa cư dân sống ở thành thị và cư dân sống ở nông thôn đã đạt mức 7/3, ngày nay tỉ lệ chênh lệch này còn cao hơn nhiều. Từ xưa, Phật giáo và Thần đạo đều lấy cơ sở là gia đình và cộng đồng, song sự phát triển của đô thị hoá đã làm lung lay sơ sở đó. Bắt đầu từ những năm 1950, người ta được chứng kiến hiện tượng di chuyển dân số từ nông thôn ra thành thị với quy mô ngày càng lớn. Cũng giống như tình hình ở Việt Nam những năm đầu thế kỉ XXI, các thanh niên đến tuổi lao động ở Nhật Bản thời đó hầu như đều hướng ra các đô thị, nhất là các đô thị lớn như Tokyo, Kyoto, Osaka, Kobe, v.v... nơi họ có thể tìm kiếm việc làm với mức thu nhập cao hơn. Có một nghịch lí là trong khi ở các vùng nông thôn thậm chí không đủ số lượng tín đồ cần thiết để thực hiện các nghi lễ Thần đạo thì ở các đô thị dân số tập trung ngày một đông đến nỗi có một số lễ hội phải huỷ bỏ do sợ tai nạn vì có quá đông người tràn ra đường phố. Điều đáng nói là những người ra sống tại

1. *Niên giám tôn giáo*. Xuất bản Năm Bình Thành thứ 14. Cục Văn hoá (Tiếng Nhật) tr.30 và 31.

thành phố còn rất ít cơ hội hoặc không còn cơ hội để liên hệ thường xuyên với những ngôi chùa, ngôi đền mà trước đây họ là những thành viên. Trong khi đó, họ cũng không có ý muốn gia nhập vào bất kỳ một ngôi chùa nào khác ở thành phố. Chính vì vậy, thành phố trở thành nơi hỗn tạp cho nhiều người vốn đã cắt đứt liên hệ với truyền thống tôn giáo và sống trong tình trạng dường như trống rỗng, hụt hẫng về tinh thần. Đó chính là một trong những điều kiện thuận lợi để tôn giáo mới nảy sinh trong những con người bình thường.

Một nguyên nhân đáng chú ý khác là tác động từ sự phát triển quá nhanh của đời sống kinh tế - xã hội. Bắt đầu từ những năm 1950, khi kinh tế Nhật Bản bước vào giai đoạn tăng trưởng với tốc độ "thần kì", có những năm sự gia tăng kinh tế đạt tới mức kỉ lục hai con số. Mặc dù tốc độ phát triển đó đã đem lại sự thịnh vượng cho xã hội Nhật Bản, song cũng vì thế mà sự cạnh tranh xã hội cũng trở nên quyết liệt hơn gấp nhiều lần so với các giai đoạn trước đó. Ngay cả trong thập niên cuối cùng của thế kỉ XX khi nền kinh tế khổng lồ này rơi vào khủng hoảng thì tình trạng cạnh tranh và sức ép tâm lí trong xã hội vẫn rất nặng nề. Để tồn tại trong môi trường đó, mọi người đều phải nỗ lực hết sức mình và chịu nhiều sức ép tâm lí. Mặc dù vậy, sự thành công hay thất bại của một người không chỉ do tài năng và sự cố gắng bản thân mà còn do những yếu tố ngẫu nhiên mà người ta quen gọi là may mắn, rủi ro hay số trời. Mặt khác, trong một xã hội hiện đại hoá nhanh chóng như vậy, những mối quan hệ truyền thống cũ không ngừng

bị rạn nứt. Có một xu hướng lối sống được hình thành tại các đô thị đông người là người ta co về cuộc sống cá nhân, ít quan tâm tới những người xung quanh. Cũng chính vì vậy, không ít người nảy sinh cảm giác chán ghét và xa lánh xã hội. Nhiều trường hợp rủi ro như ốm nặng, phá sản, v.v... thay vì tìm đến người thân, bạn bè, đồng nghiệp để được an ủi, người ta tìm đến Thần, Phật để hi vọng sự phù hộ hay ít ra để có được một chút thư thái trong tâm hồn.

Như vậy, có thể thấy, sự thay đổi luật tôn giáo, quá trình đô thị hoá, sự cạnh tranh xã hội do sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế là những nguyên nhân trực tiếp cơ bản nhất dẫn đến sự phát triển của tôn giáo mới ở Nhật Bản sau Chiến tranh. Mặc dù các tôn giáo mới ở Nhật Bản sau Chiến tranh là rất đa dạng, song có thể thấy chúng đều có những nét giống nhau ở những đặc điểm sau:

Thứ nhất là tính hỗn dung. Nhật Bản có truyền thống tín ngưỡng hỗn dung từ lâu đời. Đặc tính tín ngưỡng này của người Nhật Bản còn thể hiện điển hình hơn của người Việt Nam. Cũng giống như Việt Nam, từ xa xưa các tôn giáo ở Nhật Bản tồn tại trên cơ sở ảnh hưởng, nhiều khi tập hợp lại chứ không phân biệt tách bạch hoặc bài trừ nhau. Nếu như tại Việt Nam nhiều thời kì Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo tồn tại đan xen, bổ sung cho nhau trên nhiều bình diện, cả tư tưởng và tín ngưỡng đến mức được gọi là "Tam giáo đồng nguyên" thì tại Nhật Bản cũng có một tình hình tương tự như vậy. Thần

đạo, Phật giáo, Nho giáo và cả Đạo giáo nữa tồn tại hoà quyện với nhau. Hiện nay, một người Nhật Bản có thể đồng thời theo tín ngưỡng của cả Thần đạo, Phật giáo và Kitô giáo. Họ làm lễ kết hôn ở nhà thờ, đến cầu xin các vị thần phù hộ trong những dịp đặc biệt tại các ngôi đền Thần đạo và làm tang lễ tại nhà chùa. Tôn giáo mới sau Chiến tranh nảy sinh trong bối cảnh văn hoá tín ngưỡng như vậy nên tất yếu cũng mang tính hỗn dung. Chính vì vậy, người sáng lập ra giáo phái Sekai Kyusei kyo (*Thế giới Cứu thế giáo* - 政界救世教) có lúc cho mình là Bồ Đề Đạt Ma, có lúc lại cho mình là Đấng Cứu thế Kitô. Tenrikyo (Thiên Lí giáo - 天理教) lúc mới thành lập thờ một vị thần dân gian là Tennrin o, sau lại thờ một vị thần của Thần đạo là Tenrio no Makoto. Trong trường hợp của Seichio no Ie (*Sinh Trưởng gia* - 生長の家), đối tượng thờ cúng lại có nét rất giống với đạo Cao Đài ở Việt Nam, thờ cúng cả Giêsu, Bồ Tát, Khổng Tử, Socrate, v.v...

Thứ hai là tính ma thuật. Điển hình là giáo phái Chân lí Aum (アウム真理教) cho rằng bằng cách luyện yoga có thể thu được năng lượng chữa bệnh và có thể giúp con người bay lên khỏi mặt đất. Điểm giống nhau của hầu hết các tôn giáo mới là đều hứa hẹn khả năng chữa bệnh và đem lại niềm vui cho con người bằng phép thuật. Bằng cách này, các tôn giáo mới đã có sức hấp dẫn rất mạnh mẽ trong việc tập hợp tín đồ. Nhiều thanh niên đến với các tôn giáo mới ban đầu chỉ là sự tò mò muốn có được những khả năng siêu nhiên mà

các tôn giáo này hứa hẹn rồi sau đó mới chịu ảnh hưởng của giáo lí.

Thứ ba là tính hiện thế. Phần lớn các tôn giáo mới ở Nhật Bản hướng sự quan tâm của con người vào những vấn đề của đời sống thực tại, đặc biệt là các vấn đề như chữa bệnh, môi trường, hoà bình, thậm chí còn đối thoại và tự đánh đồng với cả khoa học. Rõ ràng là đối với các tôn giáo mới, vấn đề của cuộc sống sau khi chết không phải là chủ đề quan trọng. Điều này khác với đặc điểm của các tôn giáo truyền thống như Phật giáo, Kitô giáo, Islam giáo, v.v... coi trọng việc đạt được hạnh phúc ở kiếp sau. Quả là tính hiện thế của tôn giáo mới đã đáp ứng đúng nhu cầu của những con người đương đại, những con người đang quá bận rộn với những vấn đề của đời sống hàng ngày. Tôn giáo truyền thống mặc dù đã nỗ lực cải cách về giáo lí nhưng vẫn không đem lại cho họ những kiến giải cụ thể về những vấn đề của đời sống hiện đại. Mang nặng tính ma thuật, nhưng các tôn giáo mới đã thể hiện tính hấp dẫn để vượt qua sự trì trệ của các tôn giáo truyền thống.

Thứ tư là phương thức phát triển tín đồ mang tính thế tục. Các tôn giáo truyền thống đặt sứ mạng truyền giáo lên vai các nhà sư, các giáo sĩ; còn các tôn giáo mới lại thực hiện sứ mạng đó bằng chính sự lan truyền ảnh hưởng lẫn nhau giữa các tín đồ. Chính bằng phương thức đó, chúng ta hiểu vì sao tôn giáo mới lại có khả năng lan truyền với tốc độ nhanh chóng đến như vậy. Đường như sự phát triển của tôn giáo mới ở Việt Nam hiện nay cũng đang thể hiện đặc trưng này. Các nhà nghiên cứu cho thấy, nhiều nhóm tôn giáo mới ở

Nhật Bản hiện nay tồn tại như những nhóm người có liên hệ với nhau qua việc giải quyết những vấn đề vướng mắc cụ thể trong cuộc sống, như cùng quan tâm chữa bệnh chẳng hạn, và thông qua đó mà thuyết phục được các thành viên mới. Thậm chí, tôn giáo mới còn thu hút tín đồ thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như đài báo, phim ảnh và đặc biệt là qua mạng internet. Hầu như các tôn giáo mới ở Nhật Bản đều có website riêng để tuyên truyền rộng rãi cho công chúng và giữ mối liên hệ chặt chẽ với các tín đồ.

Đáng chú ý là diễn biến của hiện tượng tôn giáo mới ở Nhật Bản từ sau Chiến tranh không phải một chiều mà có những bước thăng trầm khác nhau. Các kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù các tôn giáo mới nở rộ sau Chiến tranh nhưng bước vào những năm 1970 chúng có vẻ như chững lại. Có học giả cho rằng, vào lúc đó, các tôn giáo mới đã đạt đến mức bão hoà. Điển hình là Sokagakai đã có được 7,5 vạn gia đình thành viên vào năm 1970, nhưng sau đó tốc độ tăng đã giảm đi nhanh chóng. Một số nhóm khác còn bị mất đi các thành viên của mình. Tuy nhiên, bên cạnh đó lại có những giáo phái mới phát triển rất mạnh mẽ bắt đầu cũng từ những năm 1970. Khi phân tích hiện tượng mới này, các học giả thường lấy giáo phái Shinnyoen (*Chân Như Uyển* - 真如苑) làm ví dụ. Năm 1965, số lượng thành viên chính thức của nhóm này có gần 125 nghìn, đến năm 1975 con số này tăng lên đến 300 nghìn, và năm 1985 là 2.596 nghìn. Nhưng vào năm 2004, con số này lại giảm xuống còn

806.753 tín đồ. Ngoài ra còn có nhiều nhóm khác cũng phát triển nhanh như Shinnyoen, cho dù về quy mô thì không bằng, đó là các nhóm: Seikai Mahikari Bunmei Kyodan (*Thế giới Chân quang Văn minh Giáo đoàn* - 世界真光文明教団) vốn tách ra từ Shūkyō Mihikari (*Tôn giáo Chân quang* - 宗教真光) năm 1978, Agonshū (*A Hàm Tông* - 阿含宗), Oyama Nezu no Mikoto Shinji Kyokai, Reiha no Hikari Kyokai, Kofuku no Kagaku. Có một số nhóm vốn có nguồn gốc từ nước ngoài nhưng khi truyền vào Nhật Bản thì phát triển nhanh như *Hiệp hội Tinh thần Thiên liêng vì sự thống nhất thế giới Thiên Chúa* (Sekai Kirisutokyo Toistu Shinrei Kyokai) và *Chứng nhân Jehovah* (Jehovah Witness). Vào khoảng cuối những năm 1970 và đầu 1980, các học giả và các nhà báo đã bắt đầu phân biệt các giáo phái loại này với các giáo phái tôn giáo mới nhưng đã chững lại trong quá trình phát triển và còn gọi chúng là những *tân tân giáo* (新新宗教). Sự khác biệt của các *tân tân giáo* với các tôn giáo mới được thể hiện ở những đặc điểm chủ yếu sau:

Thứ nhất, một số giáo phái gắn liền với những trải nghiệm thần bí. Có một số giáo phái gắn tầm quan trọng với việc thể hiện thần bí và những trải nghiệm thể chất có liên quan đến cảm giác hay ý thức. Ví dụ Giáo phái Mahikari (*Tôn giáo Chân Quang* - 宗教真光) cho rằng Tekazaki (手か咲き) là một loại năng lượng từ một vị thần được truyền qua lòng bàn tay của tín đồ đến cơ thể và tinh thần của người khác.

Năng lượng này có khả năng tẩy uế hay chữa bệnh. Khi nguồn năng lượng thần bí này được truyền đến các tín đồ nhiều người cảm thấy có cảm giác thức tỉnh và giải thoát đau đớn cả về thể xác lẫn tinh thần vốn bị chứa chất từ trước. Trong giáo phái Hiệp hội Chân lí Linh thiêng thì bước quan trọng để đạt được niềm tin là trở lại trí nhớ về kiếp trước, thậm chí người ta còn tin rằng có thể nói tiếng nói của người thuộc kiếp đó.

Thứ hai, thay cho việc nhấn mạnh một cộng đồng liên kết chặt chẽ và một tổ chức chặt chẽ, nhiều tôn giáo nhấn mạnh vào tính tự do của cá nhân tín đồ. Agonshu, Hiệp hội Chân lí Linh thiêng, Oyama Nezu no Mikoto Shinji Kyokai thuộc khuynh hướng này. Để khắc phục mối liên hệ mỏng manh giữa các tín đồ, họ đã ràng buộc các tín đồ với trung tâm thông qua hệ thống truyền thông như tạp chí, video. Hiện nay, hầu như mọi giáo phái ở Nhật Bản đều đã xây dựng những trang website riêng để qua đó liên hệ với các tín đồ và mở rộng ảnh hưởng xã hội.

Thứ ba, cũng có những tôn giáo mới có tổ chức cộng đồng đan xen chặt chẽ tạo thành những hình thức hành động phù hợp với mọi kích cỡ của cuộc sống hàng ngày. Theo hướng này có Hiệp hội Tinh thần Thiêng liêng, Hội Thống nhất Thế giới Thiên Chúa, Chứng nhân Jehovah, Chân lí Aum. Cả bốn giáo phái này đều có sự tương đồng ở quan điểm mạnh mẽ về sự khủng hoảng tận thế đang đến gần. Trong những năm 1970 và sau đó có một số lượng lớn sinh viên các trường đại học bỏ trường để lao vào các hội. Có ba tổ chức thu hút sinh viên và làm dư luận

xã hội quan tâm là Hiệp hội Tinh thần Thiêng liêng vì sự thống nhất Thế giới Thiên Chúa, Yamazaki Kai, Chân lí Aum. Các tổ chức này có những cách thức hoạt động khác nhau. Chẳng hạn Hiệp hội Tinh thần Thiêng liêng thì cho các tín đồ đi bán cá và bình hoa với giá cắt cổ và hứa hẹn với người mua là sẽ được cứu rỗi ở kiếp sau. Yamazaki Kai thì thành công trong việc xúi giục lừa bịp về sự làm chủ tinh thần. Chân lí Aum thì được coi như sự hỗn hợp của các cách đạt tới sự giác ngộ bằng ma túy, hướng tới bạo lực và đe dọa khủng bố xã hội. Điểm chung của các tổ chức này là mối quan hệ căng thẳng của các tín đồ với gia đình họ.

Các nhà nghiên cứu đều nhất trí cho rằng, những đặc điểm nêu trên không chỉ có ở các *tân tôn giáo* mà còn có ở cả các tôn giáo có trước những năm 1970, song ở các *tân tôn giáo*, những đặc điểm đó thể hiện rõ rệt và nổi trội hơn. Hơn nữa, các *tân tôn giáo* không nhấn mạnh vào tư tưởng thống nhất, không quan tâm nhiều đến giáo lí, tín điều hay thực hành đạo đức. Chúng phản ánh chủ nghĩa cá nhân tôn giáo của xã hội Nhật Bản ngày nay.

Như vậy, sau Chiến tranh Thế giới II, cùng với sự phát triển vượt bậc của xã hội Nhật Bản hiện đại theo hướng dân chủ hoá, đời sống tôn giáo cũng diễn ra theo một chiều hướng phát triển khá đặc thù. Trong khi các tôn giáo truyền thống dường như đã định hình và chững lại về quy mô tín đồ thì các tôn giáo mới lại xuất hiện và trưởng thành nhanh chóng. Điều đáng chú ý là tôn giáo truyền thống thể hiện điểm nổi trội ở tính cộng đồng, ở sự chặt chẽ của giáo lí, giáo luật, còn tôn

giáo mới lại thể hiện sự tôn trọng tính tự do, tự tại cá nhân. Phải chăng việc nhấn mạnh vào chủ nghĩa cá nhân chính là một nhân tố giúp cho các tôn giáo mới nhanh chóng thích nghi và phát triển trong hoàn cảnh xã hội Nhật Bản đương đại.

Trong xã hội Nhật Bản ngày nay, mặc dù không ít người phủ nhận vai trò của tôn giáo mới, cho chúng là thứ mê tín, dị đoan, tầm thường, nhưng không thể không thừa nhận rằng các tôn giáo mới với những phương thức cụ thể khác nhau đã giúp nhiều người thoát khỏi tâm trạng dồn nén do xã hội hiện đại mang lại, cởi bỏ cho họ những bức xúc về tâm lý, kéo họ trở lại với cộng đồng. Điều đáng chú ý là các tôn giáo mới ở Nhật Bản thường tổ chức những cuộc tụ tập tín đồ, trước hết là để cùng nhau tập luyện tinh thần dưới hình thức như luyện yoga hay hành hương đến một địa điểm linh thiêng nào đó. Việc đó đồng thời cũng được coi như phương tiện để liên kết các tín đồ bằng những phẩm hạnh trong cùng một tổ chức, giúp họ có được cảm giác đổi mới, tự tin. Không ít người lang thang cô đơn đã tìm lại sức mạnh của bản thân mình trong những hoạt động như vậy.

Tuy nhiên, tôn giáo mới cũng có những ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội Nhật Bản một cách rõ rệt. Ngoài ảnh

hưởng xấu điển hình như hoạt động bạo lực giết người hàng loạt của Giáo phái Chân lí Aum, còn nhiều biểu hiện tiêu cực đáng quan tâm khác, chẳng hạn sự tuyên truyền về tác dụng chữa bệnh bằng ma thuật. Một số giáo phái cho rằng có thể chữa bệnh bằng một số nghi thức tôn giáo như cầu nguyện, tẩy uế, dùng năng lượng huyền bí mà không cần phải viện đến y học. Trên thực tế, phần lớn các tôn giáo mới đều khuyến tín đồ của họ trị bệnh bằng cả hai phương pháp y học và ma thuật, song vấn đề trở nên phức tạp khi tín đồ quá tin vào tác dụng của ma thuật mà từ chối y học. Cũng có một số tôn giáo mới đã lợi dụng những thành tựu khoa học để biện hộ cho mình, thậm chí còn đồng nhất tôn giáo và khoa học, tự cho mình là tôn giáo khoa học. Đó là những biểu hiện không tốt cho khoa học và cho xã hội.

Ngày nay, Nhật Bản đã bước vào thế kỷ XXI với tầm vóc của một cường quốc hàng đầu thế giới. Điều thật thú vị là bên cạnh những con tàu tốc hành shinkansen trên mặt đất nhanh như máy bay, những tên lửa chinh phục vũ trụ, những người máy Asimo, người ta vẫn cần đến những vị thần. Trong bối cảnh đó, tôn giáo mới ở Nhật Bản vẫn tiếp tục đồng hành với những người dân trên xứ hoa anh đào với cả hai mặt tốt và xấu vốn có của nó./.